

Bản án số: **82/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 6 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Rực

Các Hội thẩm nhân dân:

. Bà Võ Thị Bời.

. Ông Nguyễn Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1243/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Ánh H**; địa chỉ: Tổ 1 thôn PT, xã VT, thành phố N, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: **Lê Bảo Q**; địa chỉ: Tổ 1 thôn PT, xã VT, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H trình bày: Tôi (H) yêu cầu ly hôn với anh Lê Bảo Q. Tôi và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường NH, thành phố N. Chúng tôi có 01 con chung là Lê Ngọc Tố Qu- sinh ngày 11/6/2009.

Cuộc sống chung mấy năm gần đây không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, chúng tôi thường hay kình cãi, quan điểm sống bất đồng, không tin tưởng nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã cho nhau nhiều cơ hội, gia đình hai bên khuyên nhủ, hàn gắn nhưng đời sống chung không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt ảnh hưởng đến con gái đang tuổi lớn và gia đình đôi bên. Nay

xác định tình cảm không còn, để giải thoát cho nhau, tôi yêu cầu ly hôn với anh Lê Bảo Q.

Về con chung, tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì từ khi sinh ra đến giờ con luôn sống cùng tôi, tôi không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Lê Bảo Q để lấy lời khai, tham gia hòa giải nhưng ông Q đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Q và cũng không hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Ánh H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Bảo Q là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố N triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn và tại phiên tòa bị đơn cũng vắng mặt nhưng theo lời khai của nguyên đơn thì bà H, ông Q kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2008, ngày 02/5/2008. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ánh H và ông Lê Bảo Q được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Q. Xét lời khai của bà H thì cuộc sống chung vợ chồng giữa bà H, ông Q có nhiều mâu thuẫn và không tìm được phương pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau nữa. Theo bà H do vợ chồng quan điểm sống bất đồng nên hơn 02 năm nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn nên bà H yêu cầu ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa bà H, ông Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc ly hôn giữa hai người nhưng ông Q đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông Q không quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Bảo Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà H.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà H, ông Q có một con chung là Lê Ngọc Tố Qu-sinh ngày 11/6/2009, theo bà H thì cháu từ khi sinh đến giờ và hiện luôn sống cùng bà H. Mặt khác, cháu Qu có lời khai là muốn được sống cùng với mẹ nếu ba, mẹ ly hôn vì cháu là con gái đang tuổi lớn, cần mẹ chỉ bảo. Do vậy yêu cầu của bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định không có tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn ông Lê Bảo Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc kiện của nguyên đơn và Tòa án cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Lê Bảo Q.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Ánh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Bà Lê Thị Ánh H được ly hôn với ông Lê Bảo Q.

- Giao con chung là Lê Ngọc Tố Qu- sinh ngày 11/6/2009 cho bà Lê Thị Ánh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên, bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Bảo Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà H, ông Q đều có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định tài sản chung không có, nợ chung không có nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017686 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà Lê Thị Ánh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- . Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- . Viện kiểm sát nhân dân Tp.N;
- . UBND phường NH, N;
- (Đăng ký kết hôn ngày 02/5/2008);
- . Thi hành án dân sự Tp.N;
- . Dương sự;
- . Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Rực